

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2018

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Ngọc Trâm.

2. Bà Võ Thị Trâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn L Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NHMN**, sinh năm 1986 – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: 176/5, tổ 30B, ấp LT, xã LT Trung, huyện HT, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh **HTL**, sinh năm 1983 – có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: 56/2, ấp Trường An, xã Trường Tây, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2018, biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2018; ngày 11/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 08/8/2018, nguyên đơn chị NHMN trình bày:

Chị N và L chung sống vợ chồng vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện HT. Anh chị sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không chịu lao động, thường xuyên tụ tập bạn bè, cờ bạc ăn chơi, gây nợ nần. Chị N đã khuyên can và trả nợ cho anh L nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi. Khi đó con còn nhỏ, chị N dẫn con về nhà ba mẹ ruột sống nhưng vợ chồng vẫn còn qua lại với nhau, được một thời gian thì anh L năn nỉ nên chị quay về, vì còn thương chồng, thương con nên chị N cố gắng chịu đựng, hy vọng anh L sẽ thay đổi. Chị N đã bỏ về nhà ba mẹ ruột nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Từ giữa năm 2017, chị N cảm thấy vợ chồng không còn cơ hội hàn gắn nên chị N dứt khoát với anh L và từ đó vợ chồng không còn qua lại với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên HNPQ, sinh ngày 21/6/2014. Hiện con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2018, bị đơn anh HTL trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian vợ chồng chung sống, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung vợ chồng cũng có cãi vã nhau nhưng không lớn. Đến đầu năm 2016, chị N bắt đầu có tư tưởng hướng ngoại, đua đòi nghe theo lời cha mẹ vợ và chị vợ nên thường xuyên bỏ nhà để đi qua nước Lào, lâu lâu mới về Việt Nam một lần. Anh L đã nhiều lần khuyên can nhưng chị N không nghe. Vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên HNPQ, sinh ngày 21/6/2014. Hiện con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh L đồng ý giao cháu Q cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không tự N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NHMN đối với anh HTL. Giao cháu HNPNQ, sinh ngày 21/6/2014 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị NHMN và bị đơn anh HTL có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh L là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về hôn nhân:

Xét về quan hệ hôn nhân của chị NHMN và anh HTL thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Tây, huyện HT nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh L không chịu lao động, thường xuyên tụ tập bạn bè, cờ bạc ăn chơi, gây nợ nần. Chị N đã khuyên can và trả nợ cho anh L nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi. Anh L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có tư tưởng hướng ngoại, nghe lời cha mẹ vợ và chị vợ, thường xuyên đi qua nước Lào, lâu lâu mới về Việt Nam một lần, anh L nhiều lần khuyên can nhưng chị N không nghe. Như vậy, mặt dù chị N, anh L trình bày không thống nhất về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn và anh chị cũng không ai đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên, anh chị thống nhất vợ chồng đã không sống chung từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên HNPNQ, sinh ngày 21/6/2014, hiện con chung đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con thì anh L cũng đồng ý. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị N và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị N và anh L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có.

[5]. Về án phí: Chị Thoại phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NHMN đối với anh HTL.

Chị NHMN được ly hôn với anh HTL.

2. Về con chung:

Chị NHMN được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu HNPNQ, sinh ngày 21/6/2014.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có.

5. Về án phí:

Chị NHMN phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trữ đã nộp theo biên lai thu số 0019482 ngày

13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận chị N đã nộp xong tiền án phí.

Chị NHMN và anh HTL vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng